

Bản án số: 45/2023/HSST

Ngày: 17/4/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn T.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị O và bà Vũ Thị T1.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung K1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên: Bà Đặng Thị H1
- Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2023/HSST ngày 14/3/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HS ngày 03/4/2023, đối với bị cáo: **Nguyễn Thu H**, sinh năm 1997, giới tính: Nữ, tên gọi khác: không có. Quê quán: xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: thôn T2, xã X, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Minh H2, sinh năm 1971; Con bà: Dương Thị H3, sinh năm: 1976; Anh, chị, em ruột: Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Chồng: Nguyễn Văn T3, sinh năm 1996; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh ngày 21/9/2022; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 16/11/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 07 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Bị cáo hiện đang bị giam, giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên, theo quyết định thi hành án hình sự của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hưng Yên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Anh Đào Văn Q, sinh năm: 1994 (vắng mặt).

- Chị Trịnh Thị X1, sinh năm: 1998 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

anh Dương Văn V1, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Thu H, sinh năm: 1997 ở thôn T2, xã X, huyện A, tỉnh Hưng Yên nảy sinh ý định mượn xe mô tô của người quen bán lấy tiền. Để thực hiện ý định nêu trên, khoảng 13 giờ ngày 19/10/2022, H thuê một người đàn ông lạ mặt chở đến nhà bạn là chị Trịnh Thị X1, sinh năm: 1998 ở Thôn A, xã Đ, huyện K chơi. Tại đây, H nói dối chồng chị X1 là anh Đào Văn Q sinh, năm 1994: “Cho em mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 89E1 – 795.14 cùng với đăng ký xe mang tên anh để đi lên xã Tân Châu, huyện K có việc”. H hẹn buổi chiều cùng ngày sẽ trả xe nên vợ chồng anh Q, chị X1 tin tưởng giao cho H chiếc xe mô tô biển số 89E1 – 795.14 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 89008015 mang tên Đào Văn Q. H điều khiển chiếc xe nêu trên về phòng trọ của mình ở thôn Liêu Hạ, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên rủ bạn là chị Hoàng Thị Đăng K2, sinh năm: 1999 ở thôn T5, Đ1, huyện K cùng đi bán chiếc xe mô tô này. Do mới quen biết nhau nên chị Khiêm không biết gì về quan hệ gia đình của H và nguồn gốc chiếc xe mô tô nên đồng ý đi cùng. H và chị K2 đi đến cửa hàng mua bán xe của anh Dương Văn V1, sinh năm: 1981 ở Thôn Y, xã D, huyện K. Tại đây, H nói với anh V1: “Chiếc xe mô tô trên là của chồng em tên là Đào Văn Q, sinh năm: 1994 ở Thôn A, xã Đ, huyện K. Chồng em đang ở nước ngoài. Vợ chồng em mới cãi nhau và trong lúc bức tức em đã đập điện thoại làm vỡ màn hình nên cần bán xe để lấy tiền thay màn hình điện thoại”. Anh V1 yêu cầu H cung cấp căn cước công dân của chủ xe. Lúc này, H ra ngoài sử dụng Nick Facebook “H Mon Art” gọi điện qua messenger vào Nick Facebook của anh Q là “Trai Họ Đào” nhưng không liên lạc được. H tiếp tục nhắn tin với nội dung “Anh chụp em xin chứng minh thư hai mặt của anh, em bị giao thông bắt xe. Công an họ bắt chứng minh thư của chính chủ, chụp cho em xin để em nộp tiền lấy xe về”. Do không thấy anh Q trả lời nên H tiếp tục gọi điện cho anh Q qua messenger nhờ chụp ảnh chứng minh thư. Anh Q đồng ý nên nhờ chị X1 chụp ảnh căn cước công dân của anh rồi gửi cho H. Sau khi nhận ảnh căn cước công dân, H quay vào quán và đưa cho anh V1 xem. Lúc này, anh V1 yêu cầu H xuất trình căn cước công dân của H để làm thủ tục mua bán. Tuy nhiên do H không theo mang căn cước công dân nên đã mượn căn cước công dân của chị Khiêm. Chị Khiêm cho rằng H bán xe của chồng nên đồng ý cho H mượn căn cước công dân. Sau đó, H viết giấy bán

chiếc xe mô tô biển số 89E1 – 795.14 cho anh V1 và nhận số tiền 11.000.000 đồng. Trên giấy bán ghi tên bên bán là H nhưng số căn cước công dân là của chị Khiêm. Số tiền này H đã sử dụng chi tiêu cho bản thân hết.

Do không thấy H trả lại xe mô tô nên ngày 06/11/2022, anh Đào Văn Q có đơn đề nghị Công an xã Đ giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Cùng ngày, Công an xã Đ đã chuyển tin báo nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K để giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

Ngày 07/11/2022 thu giữ của anh Dương Văn V1 01 xe mô tô biển số 89E1 - 79514; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 89008015 mang tên Đào Văn Q; 01 Giấy bán xe đề ngày 19/10/2022 mang tên Nguyễn Thu H ở V2 - K – Hưng Yên;

Cơ quan điều tra đã trích xuất hình ảnh camera ghi lại hình ảnh quá trình mua bán xe mô tô giữa H và anh V1 tại cửa hàng của anh V1, lưu giữ vào 01 đĩa CD để gửi đi giám định.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTS ngày 25/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện K kết luận 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 89E1-79514 trị giá 14.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 08/KL - KTTHS ngày 30/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chữ viết, chữ ký trên 01 giấy bán xe ghi ngày 19/10/2022 là do Nguyễn Thu H ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 213/KL-KTTHS ngày 30/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Không thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 (hai) file video gửi giám định.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 89E1- 795.14, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 89008015 mang tên Đào Văn Q, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh Đào Văn Q, ngày 23/11/2022, cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là anh Q.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Dương Văn V1 đề nghị Nguyễn Thu H phải trả anh V1 số tiền 11.000.000 đồng mà anh V1 đã đưa cho H khi mua chiếc xe mô tô.

Đối với chị Hoàng Thị Đăng Khiêm do không biết nguồn gốc chiếc xe mô tô biển số 89E1- 795.14 là do H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của vợ chồng anh Đào Văn Q rồi bán cho anh V1. Cả hai không có thỏa thuận, bàn bạc và chị Khiêm cũng không được hưởng lợi từ việc bán xe. Do đó không có căn cứ để xử lý đối với hành vi của Khiêm.

Đối với anh Dương Văn V1: Khi mua bán chiếc xe mô tô biển số 89E1- 795.14 nhưng không biết nguồn gốc chiếc xe này là do H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của vợ chồng anh Đào Văn Q nên không có căn cứ xử lý.

Cáo trạng số: 43/CT-VKSKC ngày 13/03/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Thu H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với Nguyễn Thu H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với bị cáo như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thu H.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù, tổng hợp 07 tháng tù với bản án số 115/2022/HSST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng yên, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung từ 01 năm 10 tháng đến 02 năm 01 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Thu H phải bồi thường cho anh Dương Văn V1 số tiền 11.000.000 đồng .

Về xử lý vật chứng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, việc giao nộp và thu thập tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy, người bị hại đã có lời khai đầy đủ thể hiện quan điểm rõ ràng. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe Moto BKS 89E1- 795.14 đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, sau khi nhận lại tài sản người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm; về trách nhiệm hình sự thì đề nghị xử lý nghiêm đối với bị cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh V1 đã có lời khai tại cơ quan điều tra và xác định khi mua xe của bị cáo thì anh không biết đây là tài sản bị cáo phạm tội mà có, đồng thời anh đề nghị buộc bị cáo phải trả lại anh số tiền mà anh đã trả cho bị cáo khi mua xe là 11.000.000 đồng.

Xét thấy, việc vắng mặt của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo nhất trí trả lại số tiền 11.000.000 đồng cho anh V1 và đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Thu H tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai của người làm chứng; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa như kết luận giám định, kết luận định giá tài sản ..., đã có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 19/10/2022, tại gia đình chị Trịnh Thị X1, sinh năm 1998 ở Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng yên, Nguyễn Thu H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 89E1-795.14, trị giá 14.000.000 đồng của vợ chồng anh Đào Văn Q và chị Trịnh Thị X1.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng do lười lao động, muốn hưởng lợi từ thành quả lao động của người khác, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản với giá trị 14.000.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 43/CT-VKSKC ngày 13/03/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Thu H về tội danh và điều luật hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 16/11/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 07 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo đang phải thi hành bản án nêu trên.

[4] Về tiền án, tiền sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó Hội đồng xét xử bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo làm mất trật tự trị an, gây hoang mang dao động và bất bình trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, cần phải có hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét nhân thân của bị cáo, ngày 16/11/2022, bị cáo bị đưa ra xét xử về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật mà coi thường kỷ cương, bất chấp pháp luật, nhằm hưởng lợi từ thành quả lao động của người khác, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Do bị cáo đang trong thời gian chấp hành hình phạt của bản án số 115/2022/HSST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe Moto của vợ chồng anh Q, chị X1 bị cáo bán cho anh Việt. Khi mua xe, anh V1 không biết đây là xe mà bị cáo H chiếm đoạt của vợ chồng anh Q và anh đã mua của bị cáo với số tiền là 11.000.000 đồng, Tại cơ quan điều tra anh V1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là khoản tiền do bị cáo chiếm đoạt trái phép của anh V1 nên căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585; Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo phải trả lại cho anh V1 số tiền này.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp lệ, nếu bị cáo chậm thanh toán trả các khoản tiền trên thì bị cáo còn phải chịu lãi suất theo mức quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian, số tiền thanh toán.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề tự do, thu nhập thấp, hoàn cảnh, kinh tế gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 89E1- 795.14, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 89008015 mang tên Đào Văn Q, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh Đào Văn Q, ngày 23/11/2022, cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là anh Q nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí trách nhiệm dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền bồi thường là 11.000.000đ x 5% = 550.000 đồng.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[13] Đối với chị Hoàng Thị Đăng Khiêm, do không biết nguồn gốc chiếc xe mô tô biển số 89E1- 795.14 là do H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của vợ chồng anh Đào Văn Q rồi bán cho anh V1. Cả hai không có thỏa thuận, bàn bạc và chị Khiêm cũng không được hưởng lợi từ việc bán xe, do đó không có căn cứ để xử lý đối với hành vi của chị Khiêm.

Đối với anh Dương Văn V1: Khi mua bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 89E1-795.14 nhưng không biết nguồn gốc chiếc xe này là do H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của vợ chồng anh Đào Văn Q nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố: Bị cáo bị cáo Nguyễn Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thu H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 07 (bảy) tháng tù của bản án số 115/2022/HSST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, buộc bị cáo phải thi hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành hình phạt.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Thu H phải trả lại anh Dương Văn V1 số tiền 11.000.000 đồng (bằng chữ: mười một triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp lệ, nếu bị cáo chậm thanh toán trả các khoản tiền trên thì bị cáo còn phải chịu lãi suất theo mức quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian, số tiền chậm thi hành.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thu H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 550.000 đồng (năm trăm lăm mươi nghìn đồng) đồng án phí dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát, Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Đ, V, X.
- Lưu: Hồ sơ, VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn T